Biểu số:
0901.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ LƯỢNG VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VÀ HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC VĂN THƯ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo:
Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Đơn vị tính: Văn bản

	Mã số	Tổng số	Quy chế, quy trình văn thư	Danh mục hồ sơ	Quy định khác về văn thư
A	B	1=2+3+4	2	3	4
Tổng số	01	**980**	**398**	**383**	**199**
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	**69**	31	24	14
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03	**120**	56	56	8
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04	**0**	0	0	0
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05	**0**	0	0	0
5. Cấp huyện	06	**424**	175	167	82
6. Cấp xã	07	**367**	136	136	95

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0902.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ TỔ CHỨC VĂN THƯ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo:
Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Đơn vị tính: Tổ chức

	Mã số	Tổng số	Tổ chức văn thư độc lập	Tổ chức văn thư không độc lập
A	B	1=2+3	2	3
Tổng số	01	**268**	**9**	**259**
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	**24**	1	23
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03	**40**	0	40
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04	**0**	0	0
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05	**0**	0	0
5. Cấp huyện	06	**123**	8	115
6. Cấp xã	07	**81**	0	81

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0903.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ NHÂN SỰ LÀM CÔNG TÁC VĂN THƯ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo:
Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã
A	B	01=02+...07	02	03	04	05	06	07
1. Tổng số nhân sự (có đến 31-12 năm báo cáo)	**01**	**432**	**35**	**62**	**0**	**0**	**199**	**136**
- Trong đó: Nữ	02	**309**	33	51	0	0	144	81
- Trong đó chuyên trách	03	**50**	18	11	0	0	20	1
2. Chia theo trình độ đào tạo								
a) Trên đại học	04	**6**	1	0	0	0	4	1
b) Đại học	05	**302**	19	32	0	0	155	96
- Trong đó chuyên ngành văn thư, lưu trữ	06	**26**	6	4	0	0	11	5
c) Cao đẳng	07	**45**	7	6	0	0	15	17
- Trong đó chuyên ngành văn thư, lưu trữ	08	**17**	6	4	0	0	5	2
d) Trung cấp	09	**64**	7	10	0	0	26	21
- Trong đó chuyên ngành văn thư, lưu trữ	10	**35**	5	8	0	0	15	7
đ) Sơ cấp (tập huấn ngắn hạn)	11	**15**	2	9	0	0	2	2
- Trong đó chuyên ngành văn thư, lưu trữ	12	**11**	2	6	0	0	1	2

3. Chia theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chức danh nghề nghiệp văn thư								
- Văn thư chính và tương đương	13	**0**	0	0	0	0	0	0
- Văn thư và tương đương	14	**22**	10	6	0	0	6	0
- Văn thư trung cấp và tương đương	15	**37**	13	13	0	0	8	3
- Khác	16	**373**	19	41	0	0	185	128
4. Chia theo nhóm tuổi								
- Từ 30 trở xuống	17	**187**	29	59	0	0	51	48
- Từ 31 đến 40	18	**205**	45	69	0	0	50	41
- Từ 41 đến 50	19	**28**	8	2	0	0	11	7
- Từ 51 đến 55	20	**10**	5	3	0	0	0	2
- Từ 56 đến 60	21	**2**	1	0	0	0	1	0
- Trên 60 tuổi	22	**0**	0	0	0	0	0	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0904.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ LƯỢNG VĂN BẢN
Năm 2022

Đơn vị báo cáo:
Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Đơn vị tính: Văn bản

	Mã số	Văn bản đi			Văn bản đến		
		Tổng số	Nền giấy	Điện tử	Tổng số	Nền giấy	Điện tử
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6
Tổng số	01	**995.931**	**402.649**	**593.282**	**1.888.599**	**189.364**	**1.699.235**
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	**112.711**	31.798	80.913	284.093	57.064	227.029
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03	**319.960**	261.388	58.572	119.671	10.278	109.393
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04	**0**	0	0	0	0	0
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05	**0**	0	0	0	0	0
5. Cấp huyện	06	**336.295**	80.598	255.697	868.500	87.948	780.552
6. Cấp xã	07	**226.965**	28.865	198.100	616.335	34.074	582.261

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0905.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ LƯỢNG HỒ SƠ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo:
Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Đơn vị tính: Hồ sơ

	Mã số	Tổng số	Hồ sơ nền giấy	Hồ sơ điện tử
A	B	1=2+3	2	3
Tổng số	01	**162.542**	**100.485**	**61.697**
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	**31.620**	5.430	26.190
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03	**26.172**	25.832	340
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04	**0**	0	0
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05	**0**	0	0
5. Cấp huyện	06	**73.040**	52.972	20.068
6. Cấp xã	07	**31.350**	16.251	15.099

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0906.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ LƯỢNG VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VÀ HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC LƯU TRỮ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Đơn vị tính: Văn bản

	Mã số	Tổng số	Quy chế, quy trình nghiệp vụ lưu trữ	Quy chế khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ	Nội quy ra vào kho lưu trữ	Bảng thời hạn bảo quản	Các quy định khác về lưu trữ
A	B	1=2+...6	2	3	4	5	6
I. Lưu trữ cơ quan	**01**	**1011**	**213**	**144**	**200**	**330**	**124**
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	**87**	26	13	18	22	8
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03	**129**	42	16	26	40	5
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04	**0**	0	0	0	0	0
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05	**0**	0	0	0	0	0
5. Cấp huyện	06	**390**	79	57	65	137	52
6. Cấp xã	07	**405**	66	58	91	131	59
II. Lưu trữ lịch sử	**08**	**4**	1	1	1	1	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0907.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ TỔ CHỨC LƯU TRỮ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

	Mã số	Tổng số	Trung tâm lưu trữ và tương đương	Phòng lưu trữ	Tổ lưu trữ	Bộ phận lưu trữ
A	B	1=2+...5	2	3	4	5
I. Lưu trữ cơ quan	**01**	**174**	**0**	**0**	**4**	**170**
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	**43**	0	0	3	40
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03	**22**	0	0	0	22
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04	**0**	0	0	0	0
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05	**0**	0	0	0	0
5. Cấp huyện	06	**109**	0	0	1	108
6. Cấp xã	07	**0**	0	0	0	0
II. Lưu trữ lịch sử	**08**	**1**	1	0	0	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0908.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ NHÂN SỰ LÀM CÔNG TÁC LƯU TRỮ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

	Mã số	Lưu trữ cơ quan							**Lưu trữ lịch sử**
		Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	1=2+...7	2	3	4	5	6	7	8
1. Tổng số nhân sự (có đến 31-12 năm báo cáo)	01	**44**	**21**	**11**	**0**	**0**	**12**	**0**	**7**
- Trong đó: Nữ	02	**33**	20	10	0	0	3	0	6
- Trong đó chuyên trách	03	**17**	7	5	0	0	5	0	5
2. Chia theo trình độ đào tạo									
a) Trên đại học	04	**0**	0	0	0	0	0	0	0
b) Đại học	05	**26**	15	4	0	0	7	0	6
- Trong đó chuyên ngành văn thư, lưu trữ	06	**8**	3	1	0	0	4	0	5
c) Cao đẳng	07	**4**	2	1	0	0	1	0	1
- Trong đó chuyên ngành văn thư, lưu trữ	08	**3**	2	0	0	0	1	0	1
d) Trung cấp	09	**8**	3	3	0	0	2	0	0
- Trong đó chuyên ngành văn thư, lưu trữ	10	**5**	2	2	0	0	1	0	0
đ) Sơ cấp (tập huấn ngắn hạn)	11	**6**	1	3	0	0	2	0	0
- Trong đó chuyên ngành văn thư, lưu trữ	12	**5**	1	3	0	0	1	0	0

3. Chia theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chức danh nghề nghiệp lưu trữ									
- Lưu trữ viên chính và tương đương	13	**0**	0	0	0	0	0	0	0
Lưu trữ viên và tương đương	14	**5**	4	0	0	0	1	0	6
Lưu trữ viên trung cấp và tương đương	15	**5**	2	2	0	0	1	0	0
- Khác	16	**35**	15	9	0	0	11	0	1
4. Chia theo nhóm tuổi									
- Từ 30 trở xuống	17	**11**	9	1	0	0	1	0	0
- Từ 31 đến 40	18	**24**	7	7	0	0	10	0	6
- Từ 41 đến 50	19	**7**	4	2	0	0	1	0	1
- Từ 51 đến 55	20	**2**	1	1	0	0	0	0	0
- Từ 56 đến 60	21	**0**	0	0	0	0	0	0	0
- Trên 60 tuổi	22	**0**	0	0	0	0	0	0	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0909.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo:Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

	Mã số	Đơn vị tính	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	1=2+...7	2	3	4	5	6	7	8
1. Tổng số phông/sưutập/ công trình lưu trữ (có đến 31/12 năm báo cáo	01	Phông/ sưu tập/ công trình	**717**	**74**	**99**	**0**	**0**	**369**	**175**	**127**
- Trong đó: Số sưu tập	02	Sưu tập	**675**	66	93	0	0	355	161	127
- Trong đó: Số công trình	03	Công trình	**42**	8	6	0	0	14	14	0
2. Số tài liệu nền giấy	04	Hồ sơ/ ĐVBQ	**1.445.442**	259.757	74.033	0	0	1.059.804	51.848	39.041
Quy ra mét giá tài liệu	05	Mét giá	**55.550**	19.150	2.150	0	0	24.351	10.114	978
a) Mức độ xử lý nghiệp vụ	06									
- Số tài liệu đã chỉnh lý hoàn chỉnh	07	Hồ sơ/ ĐVBQ	**1.280.012**	230.222	70.318	0	0	975.483	3.989	39.041
Quy ra mét giá	08	Mét giá	**23.839**	16.406	672	0	0	6.402	359	978
- Số tài liệu đã chỉnh lý sơ bộ	09	Hồ sơ/ ĐVBQ	**165.430**	29.535	3.715	0	0	84.321	47.859	0

Quy ra mét giá	10	Mét giá	**8.128**	1.563	1.085	0	0	3.821	1.659	0
- Số tài liệu chưa chỉnh lý	11	Mét giá	**23.676**	1.172	368	0	0	14.078	8.058	0
b) Số tài liệu bị hư hỏng	12	Mét giá	**122**	9	25	0	0	50	38	0
3. Số tài liệu bản đồ	13	Tấm	**576**	317	62	0	0	103	94	0
a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	14	Tấm	**575**	316	62	0	0	103	94	0
b) Số tài liệu bị hư hỏng	15	Tấm	**1**	1	0	0	0	0	0	0
4. Số tài liệu ghi âm	16	Cuộn, băng, đĩa	**0**	0	0	0	0	0	0	0
Quy ra số giờ nghe	17	Giờ nghe	**0**	0	0	0	0	0	0	0
a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	18	Cuộn, băng, đĩa	**0**	0	0	0	0	0	0	0
Quy ra giờ nghe	19	Giờ nghe	**0**	0	0	0	0	0	0	0
b) Số tài liệu bị hư hỏng	20	Cuộn, băng, đĩa	**0**	0	0	0	0	0	0	0
5. Số tài liệu ghi hình	21	Cuộn, băng, đĩa	**3.450**	1.012	796	0	0	1.166	476	0
Quy ra số giờ chiếu	22	Giờ nghe	**0**	0	0	0	0	0	0	0
a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	23	Cuộn, băng, đĩa	**3.450**	1.012	796	0	0	1.166	476	0
Quy ra giờ chiếu	24	Giờ nghe	**0**	0	0	0	0	0	0	0
b) Số tài liệu bị hư hỏng	25	Cuộn, băng, đĩa	**0**	0	0	0	0	0	0	0
6. Số tài liệu phim, ảnh	26	Chiếc	**26.908**	17.505	9.403	0	0	0	0	0
Trong đó: Số phim âm bản	27	Chiếc	**0**	0	0	0	0	0	0	0

a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	28	Chiếc	**26.908**	17.505	9.403	0	0	0	0	0
b) Số tài liệu bị hư hỏng	29	Chiếc	**0**	0	0	0	0	0	0	0
7. Số tài liệu điện tử	30	Hồ sơ	**103.605**	96.549	339	0	0	6.535	182	0
Quy ra dung lượng	31	MB	**0**	0	0	0	0	0	0	0
Trong đó: Số tài liệu đã có dữ liệu đặc tả	32	Hồ sơ	**0**	0	0	0	0	0	0	0
Quy ra dung lượng	33	MB	**0**	0	0	0	0	0	0	0
8. Số tài liệu khác (chi tiết theo tài liệu)	34		**0**	0	0	0	0	0	0	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0910.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ THU THẬP
Năm 2022

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

	Mã số	Đơn vị tính	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	1=2+...7	2	3	4	5	6	7	8
1. Tài liệu nền giấy										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	01	Hồ sơ/ ĐVBQ	**118.105**	277	26.648	0	0	79.279	11.901	4.119
Quy ra mét giá tài liệu	02	Mét giá	**2.461**	236	455	0	0	1.272	498	104,865
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	03	Mét giá	**305**	41	33	0	0	139	92	0
2. Tài liệu bản đồ										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	04	Tấm	**20**	0	9	0	0	10	1	0
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	05	Tấm	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Tài liệu ghi âm										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	06	Cuộn, băng, đĩa	**0**	0	0	0	0	0	0	0
Quy ra giờ nghe	07	Giờ nghe	**0**	0	0	0	0	0	0	0
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	08	Cuộn, băng, đĩa	**0**	0	0	0	0	0	0	0

4. Tài liệu ghi hình										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	09	Cuộn, băng, đĩa	**0**	0	0	0	0	0	0	0
Quy ra giờ chiếu	10	Giờ chiếu	**0**	0	0	0	0	0	0	0
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	11	Cuộn, băng, đĩa	**0**	0	0	0	0	0	0	0
5. Tài liệu phim, ảnh										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	12	Chiếc	**5.000**	5.000	0	0	0	0	0	0
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	13	Chiếc	**0**	0	0	0	0	0	0	0
6. Tài liệu điện tử										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	14	Hồ sơ	**26.494**	26.163	112	0	0	103	116	0
Quy ra dung lượng	15	MB	**10.020**	9.939	56	0	0	15	10	0
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	16	MB	**0**	0	0	0	0	0	0	0
7. Số tài liệu khác (chi tiết theo tài liệu)	17		**0**	0	0	0	0	0	0	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0911.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ ĐƯA RA SỬ DỤNG
Năm 2022

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

	Mã số	Đơn vị tính	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	1=2+...7	2	3	4	5	6	7	8
1. Tài liệu phục vụ theo yêu cầu của độc giả										
a) Số lượt người khai thác sử dụng tài liệu	01	Lượt người	**1.784**	119	260	0	0	1.056	349	66
- Tại phòng đọc	02	Lượt người	**1.705**	119	181	0	0	1.056	349	0
- Trực tuyến	03	Lượt người	**79**	0	79	0	0	0	0	66
b) Số Hồ Sơ/ĐVBQ phục vụ độc giả	04	HS/ ĐVBQ	**8.697**	6.543	1.071	0	0	792	291	96
- Trong đó tài liệu nền giấy	05	HS/ ĐVBQ	**8.697**	6.543	1.071	0	0	792	291	96
2. Tài liệu do cơ quan Lưu trữ công bố, giới thiệu										
a) Số lượt người khai thác sử dụng tài liệu	06	Lượt người	**169**	15	90	0	0	3	61	0
b) Số Hồ Sơ/ĐVBQ đưa ra sử dụng	07	HS/ ĐVBQ	**160**	15	82	0	0	15	48	0
- Trong đó tài liệu nền giấy	08	HS/ ĐVBQ	**160**	15	82	0	0	15	48	0

c) Số bài công bố, giới thiệu	09	Bài viết	**0**	0	0			0	0	0
d) Số lần trưng bày, triển lãm	10	Lần	**0**	0	0			0	0	0
- Trong đó số lần trưng bày, triển lãm trực tuyến	11	Lần	**0**	0	0			0	0	0
đ) Số ấn phẩm xuất bản	12	Ấn phẩm	**0**	0	0			0	0	0
- Trong đó số ấn phẩm điện tử	13	Ấn phẩm	**0**	0	0			0	0	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0912.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ TÀI LIỆU ĐƯỢC SAO CHỤP
Năm 2022

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

	Mã số	Đơn vị tính	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	1=2+…7	2	3	4	5	6	7	8
1. Số tài liệu nền giấy	01	Trang A4	5.134	2.500	2.067	0	0	514	53	96
2. Số tài liệu bản đồ	02	Tấm	**81**	1	80	0	0	0	0	0
3. Số tài liệu ghi âm	03	Giờ nghe	**0**	0	0	0	0	0	0	0
4. Số tài liệu ghi hình	04	Giờ chiếu	**0**	0	0	0	0	0	0	0
5. Số tài liệu phim, ảnh	05	Chiếc	**34**	0	0	0	0	34	0	0
6. Số tài liệu điện tử	06	MB	**9**	0	0	0	0	7	2	0
7. Số tài liệu khác (chi tiết theo tài liệu)	07		**45**	5	6	0	0	32	2	3

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0913.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

DIỆN TÍCH KHO LƯU TRỮ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo: Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Đơn vị tính: m^2

	Mã số	Tổng số	Kho chuyên dụng			Kho không chuyên dụng	Kho tạm
			Tổng số	Đã sử dụng để bảo quản tài liệu	Chưa sử dụng để bảo quản tài liệu		
A	B	1=2+5+6	2=3+4	3	4	5	6
I. Lưu trữ cơ quan	**01**	**34.060**	**6.307**	**5.257**	**1.050**	**21.488**	**6.265**
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	**3.263**	1.784	1.634	150	758	721
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03	**18.451**	1.879	1.635	244	16.080	492
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04	**0**	0	0	0	0	0
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05	**0**	0	0	0	0	0
5. Cấp huyện	06	**6.733**	2.216	1.708	508	2.837	1.680
6. Cấp xã	07	**5.613**	428	280	148	1.813	3.372
II. Lưu trữ lịch sử	**08**	**394,7**	394,7	394,7	0	0	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0914.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

SỐ TRANG THIẾT BỊ DÙNG CHO LƯU TRỮ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo: Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

	Mã số	Đơn vị tính	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	1=2+…7	2	3	4	5	6	7	8
1. Chiều dài giá/tủ bảo quản tài liệu	01	Mét giá	**25.672**	**5.689**	**3.658**	**0**	**0**	**12.452**	**3.873**	**643,8**
- Trong đó giá cố định	02	Mét giá	**19.663**	5.105	2.231	0	0	9.049	3.278	597
- Trong đó giá di động	03	Mét giá	**6.009**	584	1.427	0	0	3.403	595	46,8
2. Camera quan sát	04	Chiếc	**73**	4	9	0	0	44	16	3
3. Hệ thống chống đột nhập	05	Hệ thống	**4**	1	0	0	0	0	3	0
4. Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động	06	Hệ thống	**75**	18	25	0	0	27	5	3
5. Bình chữa cháy	07	Chiếc	**783**	93	155	0	0	262	273	31
6. Hệ thống điều hòa nhiệt độ trung tâm	08	Hệ thống	**11**	0	2	0	0	9	0	0
7. Máy điều hòa nhiệt độ	09	Chiếc	**97**	25	27	0	0	42	3	10
8. Máy hút ẩm	10	Chiếc	**45**	5	6	0	0	32	2	3
9. Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm	11	Chiếc	**12**	2	2	0	0	8	0	2
10. Thiết bị thông gió	12	Chiếc	**188**	31	38	0	0	76	43	12
11. Máy khử trùng tài liệu	13	Chiếc	**0**	0	0	0	0	0	0	0
12. Máy khử axit	14	Chiếc	**0**	0	0	0	0	0	0	0

13. Hệ thống thiết bị tu bổ, phục chế tài liệu	15	Hệ thống	**0**	0	0	0	0	0	0	1
14. Mạng diện rộng	16	Hệ thống	**28**	5	5	0	0	9	9	0
15. Mạng nội bộ	17	Hệ thống	**90**	10	23	0	0	36	21	1
16. Máy chủ	18	Chiếc	**31**	6	9	0	0	9	7	1
17. Ổ lưu dữ liệu	19	Chiếc	**37**	11	13	0	0	8	5	1
18. Máy vi tính	20	Chiếc	**269**	29	51	0	0	134	55	12
19. Máy quét (scanner)	21	Chiếc	**196**	15	45	0	0	88	48	3
20. Máy sao chụp	22	Chiếc	**124**	14	32	0	0	48	30	1
21. Các trang thiết bị khác	23		**14**	2	2	0	0	2	8	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An

Biểu số:
0915.N/BNV-VTLT
Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau

KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG LƯU TRỮ
Năm 2022

Đơn vị báo cáo: Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
		Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	1=2+...7	2	3	4	5	6	7	8
I. Thu	**01**	**656**	**17**	**634**	**0**	**0**	**5**	**0**	**42**
1. Ngân sách cấp	02	**22**	17	0	0	0	5	0	36
2. Thu phí sử dụng tài liệu	03	**633**	0	633	0	0	0	0	6
3. Thu khác	04	**1**	0	1	0	0	0	0	0
II. Chi (dòng 5 = dòng 6 + dòng 10)	**05**	**3.904**	**2.136**	**229**	**0**	**0**	**1.325**	**214**	**37**
1. Chi hoạt động thường xuyên	06	**3.811**	**2.136**	**222**	**0**	**0**	**1.239**	**214**	**37**
a) Ngân sách cấp	07	**3.734**	2.126	212	0	0	1.208	188	35
b) Từ phí sử dụng tài liệu được để lại	08	**10**	0	10	0	0	0	0	2
c) Nguồn khác	09	**67**	10	0	0	0	31	26	0
2. Chi đầu tư phát triển	10	**93**	**0**	**7**	**0**	**0**	**86**	**0**	**0**
a) Ngân sách cấp	11	**70**	0	0	0	0	70	0	0
b) Từ phí sử dụng tài liệu được để lại	12	**0**	0	0	0	0	0	0	0
c) Nguồn khác	13	**23**	0	7	0	0	16	0	0

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Hữu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Thế An